

Số: 13 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 140/TTr-SNN ngày 22/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết đối với thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính gồm: 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh (Có Phụ lục I kèm theo).

2. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gồm: 02 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Có Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ thủ tục hành chính "Phân loại danh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ": Số thứ tự 01 Mục VI, Phần A tại Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La. Bãi bỏ 02 quy trình nội bộ được công bố tại Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của nội dung trình phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 4;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, D(20b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH SON LA**
Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

CẤP TỈNH: 01 DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	<ul style="list-style-type: none">- 3,5 ngày làm việc: Trường hợp không phải xác minh.- 10 ngày làm việc: Trường hợp phải xác minh.	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;- Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

8

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT

CỬA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)



LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 02 Quy trình

Tên TTHC: Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ

*** Thành phần hồ sơ:**

- 01 bản chính Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- 01 bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
- 01 bản photo hoặc bản chụp Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - 01 Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đóng dấu treo theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

1. Trường hợp: Không phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 06 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 2,5 ngày (Giảm 42%).
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Phòng Thanh tra pháp chế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thanh tra pháp chế	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Thanh tra pháp chế	Dự thảo Bảng phân loại doanh nghiệp	1,5 ngày
B4	Xem xét ký duyệt	Lãnh đạo phòng Thanh tra pháp chế	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Thanh tra pháp chế	Bảng phân loại doanh nghiệp	1/4 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				3,5 ngày

2. Trường hợp: Phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 14 ngày làm việc
 - Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10 ngày làm việc
 - Thời gian đã cắt giảm: 04 ngày làm việc (*Giảm 29%*).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	01 ngày
B3	Phòng Thanh tra pháp chế tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra pháp chế	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng Thanh tra pháp chế	Dự thảo văn bản (<i>Kế hoạch kiểm tra cơ sở</i>)	02 ngày
B4	Kiểm tra xác minh cơ sở	Lãnh đạo Phòng Thanh tra pháp chế	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Thanh tra pháp chế	Dự thảo kết quả kiểm tra, xác minh thông tin doanh nghiệp	03 ngày
B5	Xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xét duyệt dự thảo	01 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra pháp chế	Ý kiến ký duyệt	01 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Bảng phân loại doanh nghiệp	1/2 ngày
			Định kèm kết quả	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				10 ngày